TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5-VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **02**/2026/DS-ST
Ngày: 09-01-2026
V*/v:"Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Vân

2. Ông Nguyễn Văn Diệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Thư – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp – Kiểm sát viên

Vào ngày 09 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 112/2025/TLST- DS ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 187/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 222/2025/QĐST-DS ngày 23 tháng 12 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Ông Võ Minh S, sinh năm 1965; Số CCCD: 083065000892, cấp ngày 31/3/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Trú tại: Số D, khu phố T, phường S, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre).

- Bị đơn:

+ Ông Nguyễn Văn Út E, sinh năm 1978; Số CCCD: 083078018499, cấp ngày 30/10/2024, nơi cấp: Bộ C; Địa chỉ: Số C, khu phố P, phường S, tỉnh Vĩnh Long, (trước đây là ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Lê Thị Hoàng Y; sinh năm 1978; Số CCCD: 079178011614, cấp ngày 29/8/2024, nơi cấp: Bộ C; ĐKTT: Số C, ấp K, phường S, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre); Chỗ ở: Số B T, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây là phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo ủy quyền của Út E, Hoàng Y: Ông Đinh Văn N, sinh năm 1977; Số CCCD: 083077003348, cấp ngày 24/7/2023, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: 3, ấp L, xã C, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954; Số CCCD: 083071016048, cấp ngày 06/9/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: Khu phố P, phường S, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre)

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc M, sinh năm 1957; Số CCCD: 083157001175, cấp ngày 13/4/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Địa chỉ: ấp K, phường S, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre).

+ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1937; Số CCCD: 083037001755, cấp ngày 09/4/2024, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

+ Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1938; Số CCCD: 083139002034, cấp ngày 09/4/2024, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

+ Bà Nguyễn Hoàng Yến V, sinh năm 2008; Số CCCD: 079308027992, cấp ngày 27/10/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

+ Ông Nguyễn Hoàng T1, sinh năm 1999; Số CCCD: 079099015304, cấp ngày 03/7/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Cùng địa chỉ: Số C, khu phố P, phường S, tỉnh Vĩnh Long, (trước đây là ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre).

+ Ông Nguyễn Tấn L, sinh năm 1998; Số CCCD: 083098004492, cấp ngày 26/9/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

+ Bà Nguyễn Thị Thùy T2, sinh năm 1996; Số CCCD: 083196009005, cấp ngày 26/9/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết N1, sinh năm 1976; Số CCCD: 079176037255, cấp ngày 26/8/2022, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Cùng địa chỉ: Số C, khu phố P, phường S, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre).

+ Ông Lý Đức L1, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số C, khu phố P, phường S, tỉnh Vĩnh Long (trước đây là ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre).

(Ông S, ông N có mặt)

(Ông T, bà M, ông A, bà Phước, bà V, ông T1, ông Tấn L, bà N1, bà T2 ông Đức L1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản làm việc, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Vào khoảng năm 2017, do cần tiền để trả nợ ngân hàng, ông Út E có chuyển nhượng cho ông S thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) với giá thỏa thuận là 592.000.000 đồng. Giá ghi trong hợp đồng 180.000.000 đồng là để giảm bớt tiền thuế. Khi ký chuyển nhượng ông S và ông Út E có thỏa thuận trong thời gian 03 năm sẽ cho ông Út E mua lại đất với giá 592.000.000 đồng và không tính lãi. Trong năm 2017, ông S đã thực hiện thủ tục để được đứng tên giấy chứng nhận QSD đất thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) nhưng ông S chưa vào quản lý sử dụng đất.

Đối với vị trí ký hiệu 27-2, diện tích 2,8m^2 thuộc quyền sử dụng đất của ông Lý Đức L1, ông S không tranh chấp, không ý kiến yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Ông S đồng ý tách phần diện tích 239m^2 thuộc một thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) bà Nguyễn Thị Ngọc M tại vị trí bà M yêu cầu và chỉ đo theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/7/2025, không có yêu cầu gì khác với bà M.

Ông S đồng ý tách phần diện tích 500m^2 thuộc một thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) cho ông Nguyễn Văn T tại vị trí ông T yêu cầu theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/7/2025.

Yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng, công nhận phần diện tích còn lại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) cho ông Võ Minh S, yêu cầu ông Út E bà Hoàng Y di dời nhà ra khỏi đất của ông S.

Tại phiên tòa, ông Võ Minh S đồng ý tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 và hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất

giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017; ông S yêu cầu ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y liên đới trả lại cho ông S số tiền 592.000.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Về kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá: Đồng ý, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Về chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo đơn phản tố, biên bản làm việc, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Giữa ông Út E và bà Hoàng Y không có vay mượn tiền của ông Võ Minh S. Tuy nhiên, vào năm 2017, do cần tiền và không vay được nên ông Út E và bà Y có nhờ ông S đi vay dùm. Ông Út E và bà Hoàng Y làm Hợp đồng thỏa thuận và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) là để đảm bảo việc nhờ ông S vay tiền. Tuy nhiên, sau khi được cấp giấy chứng nhận QSD đất đến nay, ông S không đưa tiền gì cho ông Út E và bà Y.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh S, bị đơn không đồng ý, vì thực tế không có việc chuyển nhượng đất, trên đất có nhà của ông T đang ở, nhà của ông A và bà Phước (cha mẹ của ông Út E) đang ở, yêu cầu tòa án tuyên bố Hợp đồng thỏa thuận và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) vô hiệu và điều chỉnh giấy chứng nhận đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) cho ông Nguyễn Văn Ú Em đứng tên.

Đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc M thì ông ông Út E và bà Y đồng ý chuyển nhượng cho bà M diện tích 239m^2 thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) tại vị trí bà M yêu cầu và chỉ đo theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/7/2025. Do diện tích công nhận cho bà Minh D 10m^2 theo hợp đồng chuyển nhượng nên phần này sẽ thỏa thuận lại với bà M sau.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T thì ông ông Út E và bà Y đồng ý tách cho ông T diện tích 500m^2 thuộc một thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) tại vị trí ông T yêu cầu theo Họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/7/2025.

Đối với vị trí ký hiệu 27-2, diện tích 2,8m^2 thuộc quyền sử dụng đất của ông Lý Đức L1, không tranh chấp, không ý kiến yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y phản tố yêu cầu:

- Yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

- Yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

- Điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) lại cho ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y đứng tên.

- Đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với bà Nguyễn Thị N2 đối với diện tích 239m^2 thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

- Đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn A với ông Nguyễn Văn T đối với diện tích 500m^2 thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

Ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y đồng ý liên đới trả lại cho ông S số tiền 592.000.000 đồng.

Về kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá: Đồng ý, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Về chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo đơn yêu cầu độc lập, biên bản làm việc, bản tự khai, biên bản hòa giải đơn yêu cầu vắng mặt, ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T là con ruột của ông Nguyễn Văn A. Vào năm 2003, ông T được ông Nguyễn Văn A cho xây dựng căn nhà gỗ tại vị trị căn nhà hiện tại. Đến năm 2012, ông Nguyễn Văn A và bà Nguyễn Thị Phước T3 cho ông Nguyễn Văn T 500m^2 theo hợp đồng tặng cho ngày 12/6/2012, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) công chứng số 123/2012, quyển số 02/2011/TP/CC-SCT/HĐGD thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh

Long). Ông Nguyễn Văn T đã xây dựng nhà cấp 4 và sinh sống đến nay. Ông Nguyễn Văn T hoàn toàn không biết sự việc ông Nguyễn Văn Út E chuyển nhượng quyền sử dụng đất trong đó có phần diện tích ông được nhận tặng cho.

Ông Nguyễn Văn T có yêu cầu độc lập:

- Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Nguyễn Văn Út E với ông Võ Minh S, bà Nguyễn Thị Ngọc M đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) ông T không có ý kiến.

- Yêu cầu ông Nguyễn Văn Út E, Nguyễn Văn A công nhận cho ông Nguyễn Văn T phần đất diện tích 500m^2 thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/6/2012.

Đối với vị trí ký hiệu 27-2, diện tích 2,8m^2 thuộc quyền sử dụng đất của ông Lý Đức L1, ông Nguyễn Văn T đồng ý trả lại khi có yêu cầu.

Về kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá: Đồng ý, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Về chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo đơn yêu cầu độc lập, biên bản làm việc, bản tự khai, biên bản hòa giải đơn yêu cầu vắng mặt, bà Nguyễn Thị Ngọc M trình bày:

Ngày 14/01/2017, bà M có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y phần đất thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) để làm đường đi, đã giao đủ tiền và ông Út E và bà Y cũng đã giao đất cho bà M sử dụng.Việc chuyển nhượng có làm hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng, được công chứng tại Văn phòng C1 ngày 14/01/2017. Do ông Út E và bà Y vay tiền ngân hàng nên có thỏa thuận trong thời gian 05 năm sẽ làm thủ tục tách thửa cho bà M. Bà M không biết sự việc ông Út E và bà Y ký chuyển nhượng toàn bộ thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 cho ông Võ Minh S.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M có yêu cầu độc lập: Yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với ông Út E; công nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc M được sử dụng phần đất diện tích 239m^2 thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

Về kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá: Đồng ý, không có ý kiến yêu cầu gì khác.

Về chi phí tố tụng: Giải quyết theo quy định pháp luật.

Theo đơn yêu cầu vắng mặt, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Hoàng Yến Y1, ông Nguyễn Hoàng T1 cùng trình bày:

Đồng ý lời trình bày và yêu cầu giải quyết vụ án theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn Út E, đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

Theo đơn yêu cầu vắng mặt, ông Nguyễn Tấn L, bà Nguyễn Thị Thùy T2, bà Nguyễn Thị Tuyết N1 cùng trình bày:

Thống nhất lời trình bày của ông Nguyễn Văn T, đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt.

Theo biên bản làm việc, ông Lý Đức L1 trình bày:

Phần đất ký hiệu 27-2, diện tích 2,8m^2 theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ngày 17/7/2025 thuộc quyền sử dụng của ông Lý Đức L1, một phần căn nhà của ông T nằm trên đất của ông L1. Tuy nhiên, ông L1 không yêu cầu giải quyết trong vụ án này, giữa ông và ông Nguyễn Văn T tự thỏa thuận giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 117, 131, 147, 388, 398, 401, 408, 459, 500, 501, 502, 503, 607 của Bộ luật Dân sự năm 2015Điều 45,46 Luật đất đai sửa đổi năm 2024Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định liên quan đến án phí, lệ phí:

- Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14, tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ ông S sang ông Út E và bà Y.

- Buộc ông Út E và bà Y liên đới trả cho ông S 592.000.000 đồng.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc M về việc tiếp tục thực hiện Hợp đồng thỏa thuận ngày 14/01/2017, ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị Ngọc M 239m^2 thuộc một phần thửa đất số 02,

tờ bản đồ số 14, tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Phường S, tỉnh Vĩnh Long).

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T về việc tiếp tục thực hiện hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/6/2012 giữa ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn T.

- Về án phí: Ông S chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000 đồng, bị đơn chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn.

- Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông T, bà M, ông A, bà Phước, bà V, ông T1, ông Tấn L, bà N1, bà T2, ông Đức L1 có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này là phù hợp quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng, tặng cho quyền sử dụng đất nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối tượng tranh chấp là phần đất thuộc thửa 02, tờ bản đồ số 121 (tờ bản đồ cũ số 14), tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long) theo quy định tại Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận hợp đồng chuyển nhượng, công nhận phần diện tích còn lại thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) cho ông Võ Minh S, yêu cầu ông Út E bà Hoàng Y di dời nhà ra khỏi đất của ông S.

[3.2] Bị đơn phản tố yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 đối với

thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

[3.2] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc M yêu cầu công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà M với ông Út E; công nhận cho bà Nguyễn Thị Ngọc M được sử dụng phần đất diện tích 239m^2 thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

[3.3] Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T yêu cầu ông Nguyễn Văn Út E, Nguyễn Văn A công nhận cho ông Nguyễn Văn T phần đất diện tích 500m^2 thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 12/6/2012.

[4] Xét hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 công chứng tại Văn phòng C1, Số công chứng 906 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 công chứng tại Văn phòng C1, Số công chứng 2127 quyển số 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long):

[4.1] Về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản, có công chứng phù hợp quy định tại các Điều 119, 500, 501, 502 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Về nội dung, hiệu lực của hợp đồng:

Theo Hợp đồng thỏa thuận giá trị thỏa thuận chuyển nhượng là là 592.000.000 đồng nhưng giá trị chuyển nhượng ghi trong hợp đồng là 180.000.000 đồng, thấp hơn so với giá trị thực tế của tài sản chuyển nhượng nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ thuế đối với nhà nước là vi phạm điều cấm của pháp luật, vi phạm quy định về điều kiện có hiệu lực của hợp đồng. Bên cạnh đó, tại thời điểm chuyển nhượng quyền sử dụng đất, trên đất có căn nhà của ông Nguyễn Văn T đang sinh sống, căn nhà của ông Út E đang sống chung với ông A, bà Phước nhưng không có ý kiến của ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị P về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Từ thời điểm ký kết hợp đồng chuyển nhượng đến khi ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đến khi nguyên đơn khởi kiện, thì thực tế ông S không tiến đo đạc lại để lại thủ tục cấp giấy chứng nhận và ông S chưa vào nhận quản lý, sử dụng đất. Như vậy, ngay từ thời điểm giao kết, hợp đồng đã có đối tượng không thể thực hiện được. Tại phiên tòa, ông Võ Minh S đồng ý tuyên vô hiệu hợp

đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 công chứng tại Văn phòng C1, Số công chứng 906 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 công chứng tại Văn phòng C1, Số công chứng 2127 quyển số 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long). Đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Từ những phân tích trên, có cơ sở kết luận hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 công chứng tại Văn phòng C1, Số công chứng 906 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 công chứng tại Văn phòng C1, Số công chứng 2127 quyển số 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) là vô hiệu do giả tạo, vi phạm điều cấm của luật và hợp đồng có đối tượng không thể thực hiện được theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 117; Điều 124; Điều 123 và Điều 408 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[5] Về xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu:

Căn cứ quy định tại Điều 131 Bộ luật Dân sự thì khi hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu, các bên phải khôi phục lại tình trạng ban đầu, hoàn trả cho nhau những gì đã nhận, cụ thể: phần đất thuộc thửa 02, tờ bản đồ số 121 (tờ bản đồ cũ số 14), tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) hiện nay vẫn do ông Nguyễn Văn Út E, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị Ngọc M đang quản lý sử dụng nên không buộc ông Võ Minh S có nghĩa vụ giao trả lại. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận về việc ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y liên đới trả lại cho ông Võ Minh S số tiền 592.000.000 đồng, ông Võ Minh S không yêu cầu gì khác. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[6] Đối với hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/01/2017 công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 84 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M với ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y và hợp đồng tặng cho ngày 12/6/2012, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) công chứng số 123/2012, quyển số 02/2011/TP/CC-SCT/HĐGD, xét thấy về hình thức: Hợp đồng được lập thành văn bản, có công chứng phù hợp quy định tại các Điều 119, 500, 501, 502 của Bộ luật

Dân sự năm 2015. Về nội dung, hiệu lực của hợp đồng các bên đương sự không tranh chấp và đồng ý công nhận theo yêu cầu của bà M và ông T. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh S đối với ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y về việc yêu cầu công nhận hợp đòng; Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y đối với ông Võ Minh S về việc yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa 02, tờ bản đồ số 121 (tờ bản đồ cũ số 14), tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) giữa ông Võ Minh S với ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y. Chấp nhận yêu cầu độc lập của của bà Nguyễn Thị Ngọc M, công nhận hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M với ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T, công nhận hợp đồng tặng cho ngày 12/6/2012.

[8] Về chi phí tố tụng đã thực hiện bao gồm: thu thập quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: 276.000 (Hai trăm bảy mươi sáu nghìn) đồng, định giá: 1.000.000 (Một triệu) đồng, H đồ hiện trạng sử dụng đất và chi phí đo đạc: 23.138.320 (Hai mươi ba triệu một trăm ba mươi tám nghìn ba trăm hai mươi) đồng; tổng cộng là: 24.414.320 (Hai mươi bốn triệu bốn trăm mười bốn nghìn ba trăm hai mươi) đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn tự nguyện thỏa thuận về việc ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y liên đới trả lại cho ông Võ Minh S số tiền 12.207.160 (mười hai triệu hai trăm lẻ bảy nghìn một trăm sáu mươi) đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[9] Tại vị trí ký hiệu 27-2, diện tích 2,8m^2 thuộc quyền sử dụng đất của ông Lý Đức L1, các đương sự đều xác định là đất thuộc quyền sử dụng của ông Lý Đức L1; đồng ý trả lại cho ông L1 khi có yêu cầu nhưng để tự thỏa thuận và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên không xét đến. Trường hợp phát sinh tranh chấp thì được khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định pháp luật.

[10] Xét quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với những nhận định nêu trên nên được chấp nhận.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Minh S và bà Nguyễn Thị Ngọc M là người cao tuổi nên được miễn án phí.

- Ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y phải liên đới chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo quy định nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định.

- Ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y phải liên đới chịu án phí có giá ngạch đối với số tiền có nghĩa vụ bồi thường cho ông S theo quy định

- Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí dân sự không có giá ngạch đã nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 117; 123; 124; 131; 408; 468; 500; 501; 502; 562; 569 Bộ luật dân sự 2015;

- Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166; 167; 168; 188 Luật đất đai năm 2013;

- Điều 12; Điều 26 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

-Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh S đối với ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y; Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y đối với ông Võ Minh S về việc tranh chấp hợp đồng hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với phần đất thuộc thửa 02, tờ bản đồ số 121 (tờ bản đồ cũ số 14), tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

1.1 Tuyên vô hiệu hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 công chứng tại Văn phòng C1, Số công chứng 906 quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y với ông Võ Minh S ngày 22/6/2017 công chứng tại Văn phòng C1, Số công chứng 2127 quyển số 03/2017 TP/CC-SCC/HĐGD đối với thửa đất số 02, tờ bản đồ số 14 (nay là tờ bản đồ số 121), tọa lạc xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long).

1.2 Ông Nguyễn Văn Út E, bà Lê Thị Hoàng Y được quyền tiếp tục quản lý sử dụng phần đất diện tích 2.325,1m^2, loại đất ONT + CLN, (tại các vị trí ký hiệu 2-5a, 2-8a, 2-6, 2-11, 2-12a, 2-13, 2-14, 2-15, 2-16, 2-17, 2-18) thuộc một phần thửa 02, tờ bản đồ số 121 (tờ bản đồ cũ số 14), tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) cùng nhà, công trình và tài sản trên đất. (Có họa đồ kèm theo). Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 2.325,1m^2, (tại các vị trí ký hiệu 2-5a, 2-8a, 2-6, 2-11, 2-12a, 2-13, 2-14, 2-15, 2-16, 2-17, 2-18) thuộc một phần thửa 02, tờ bản đồ số 121 (tờ bản đồ cũ số 14), tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) đã cấp cho ông Võ Minh S để cấp lại cho ông Nguyễn Văn Út E theo quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn Út E liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

1.3 Hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Buộc ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y có nghĩa vụ liên đới bồi thường cho ông Võ Minh S số tiền 592.000.000 (Năm trăm chín mươi hai triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Ngọc M, công nhận hợp đồng thỏa thuận về việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 14/01/2017 công chứng tại Văn phòng C1, số công chứng 84 quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD giữa bà Nguyễn Thị Ngọc M với ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y.

Bà Nguyễn Thị Ngọc M được quản lý sử dụng phần đất diện tích 239m^2, loại đất CLN (tại các vị trí ký hiệu 2-1, 2-2, 2-3, 2-4) thuộc một phần thửa 02, tờ bản đồ số 121 (tờ bản đồ cũ số 14), tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) cùng công trình và tài sản trên đất. (Có họa đồ kèm theo). Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 239m^2, (tại các vị trí ký hiệu 2-1, 2-2, 2-3, 2-4) thuộc một phần thửa 02, tờ bản đồ số 121 (tờ bản đồ cũ số 14), tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) đã cấp cho ông Võ Minh S để cấp lại cho bà Nguyễn Thị Ngọc M theo quy định pháp luật. Bà Nguyễn Thị Ngọc M liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Nguyễn Văn T, công nhận hợp đồng tặng cho ngày 12/6/2012, được Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là

phường S, tỉnh Vĩnh Long) công chứng số 123/2012, quyển số 02/2011/TP/CC-SCT/HĐGD.

Ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 500m^2, loại đất CLN (tại vị trí ký hiệu thửa A, bao gồm: 2-12b, 2-12c, 2-7, 2-8b, 2-5b, 2-10) thuộc một phần thửa 02, tờ bản đồ số 121 (tờ bản đồ cũ số 14), tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) cùng nhà, công trình và tài sản trên đất. (Có họa đồ kèm theo). Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất diện tích 500m^2, (tại vị trí ký hiệu thửa A, bao gồm: 2-12b, 2-12c, 2-7, 2-8b, 2-5b, 2-10) thuộc một phần thửa 02, tờ bản đồ số 121 (tờ bản đồ cũ số 14), tọa lạc tại xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) đã cấp cho ông Võ Minh S để cấp lại cho ông Nguyễn Văn T theo quy định pháp luật. Ông Nguyễn Văn T liên hệ với cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y có nghĩa vụ liên đới trả lại cho ông Võ Minh S số tiền 12.207.160 (mười hai triệu hai trăm lẻ bảy nghìn một trăm sáu mươi) đồng.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Minh S, bà Nguyễn Thị Ngọc M được miễn án phí.

- Ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0003916 và 0003913, cùng ngày 01/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y đã nộp xong án phí không có giá ngạch.

- Ông Nguyễn Văn Út E và bà Lê Thị Hoàng Y liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 27.680.000 (Hai mươi bảy triệu sáu trăm tám mươi nghìn) đồng.

- Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm không giá ngạch đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0010012 cùng ngày 28/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long).

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND Khu vực 5-Vĩnh Long;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền